

Số: 127/2021/QĐST - HNGĐ

Hàm Yên, ngày 16 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 105/2021/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Tr.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh P, sinh ngày 05/12/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 17/5/2008 cho anh Nguyễn Xuân Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

- *Về tài sản, đất đai chung*: Các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia tài sản và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Quyết định, cụ thể:

+ Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân Tr xác định quá trình chung sống có tài sản chung là 01 ngôi nhà xây cấp IV hai tầng (một tầng đổ mái bằng, một tầng chống nóng lợp tôn), tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 160m² tại thôn A, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và thống nhất thỏa thuận ngôi nhà trên có trị giá là 540.000.000đ (*Năm trăm bốn mươi triệu đồng*). Nhà xây trên đất thuộc quyền quản lý của bố mẹ đẻ chị T là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Chị T, anh Tr thống nhất thỏa thuận giao ngôi nhà chung của hai vợ chồng cho chị Nguyễn Thị T được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản chung của hai vợ chồng là ½ giá trị ngôi nhà cấp IV hai tầng cho anh Nguyễn Xuân Tr với số tiền là 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*). Chị T đã thanh toán xong cho anh Nguyễn Xuân Tr số tiền 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*) tiền chênh lệch giá trị chia tài sản chung. Anh Nguyễn Xuân Tr có nghĩa vụ thu dọn đồ đạc cá nhân và rời khỏi ngôi nhà chung của hai vợ chồng để bàn giao lại toàn bộ ngôi nhà cho chị Nguyễn Thị T trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án/Quyết định giải quyết ly hôn giữa chị T và anh Tr có hiệu lực pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M nhất trí để cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục mượn diện tích đất tại thôn A, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang để ở (trên đất có ngôi nhà xây hai tầng là tài sản chung đã phân chia của vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân Tr).

- *Về công nợ chung*: Các đương sự đều xác định không có nên không xem xét.

- *Về án phí*:

+ Chị Nguyễn Thị T phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.300.000đ (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002485, ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 5.150.000đ (*Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Anh Nguyễn Xuân Tr không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự không phải chịu án phí dân sự đối với phần giá trị tài sản được hưởng vì đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- UBND xã K, huyện H (Giấy CN kết hôn số 43, ngày 25/10/2006);
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Hữu San